TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2019/DS-ST
Ngày 18/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Bà: Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phượng là Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2019/TLST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên Đơn: Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (viết tắt Agribank); Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu Dực, Khu đô thị M, Từ Liêm, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hùng P; sinh năm 1969 – Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn huyện C (Theo quyết định ủy quyền số 25/QĐ-UQ-NHNNCT- KHKD HĐTV-PC ngày 01/7/2019; vắng mặt có đơn.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1969; vắng mặt

Bà Đinh Thị H; sinh năm 1984; (vắng mặt có đơn)

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019 của Ngân hàng Agribank và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền, ông Nguyễn Hùng P trình bày:*

Ngày 17/11/2016 Agribank chi nhánh huyện C, khu vực A có cho vợ chồng anh H, chị H vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận trong hạn là 10,8%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trong hợp đồng có ghi rõ: "Khi lãi suất cho vay trên thị trường tín dụng tăng thì Ngân hàng tự động điều chỉnh tăng bằng mức lãi suất cho vay của Agribank chi nhánh Tây Ninh tại thời điểm điều chỉnh".

Mục đích vay mua sắm trong gia đình. Tài sản kê khai là quyền sử dụng đất số 01181 do UBND huyện C cấp ngày 01/12/1993 do anh H đứng tên, có diện tích 3.522m^2, tọa lạc ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Thời hạn trả gốc là 5 năm, mỗi năm trả 10.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 17/11/2017 đến ngày 17/11/2021.

Qúa trình thực hiện hợp đồng từ ngày vay đến ngày 23/3/2017 tính lãi trong hạn theo mức 10,8%/ năm; Từ ngày 24/3/2017 trở về sau, do mức lãi suất cho vay của Ngân hàng tăng nên điều chỉnh mức lãi suất vay trong hạn là 11.4%/năm và lãi quá hạn là 17.1%/năm, chênh lệch giữa lãi quá hạn và trong hạn là 5.7%

Quá trình vay anh H, chị H đã trả số tiền gốc lãi như sau:

Ngày 26/5/2017 trả 2.775.833 đồng tiền lãi; Ngày 29/12/2017 trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 3.584.667 đồng tiền lãi; Ngày 23/02/2018 trả 4.069.000 đồng tiền gốc và 932.782 đồng tiền lãi; Ngày 31/05/2019 trả 5.000.000 đồng tiền gốc; Ngày 16/9/2019 trả 7.000.000 đồng tiền gốc;

Tính đến ngày 16/9/2019 anh chị đã trả cho Ngân hàng 17.069.000 đồng tiền gốc, và 6.360.500 đồng tiền lãi; Ngày 24/10/2019 đã trả thêm 4.000.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền gốc, đến thời điểm hộ vay trả tiền gốc được bao nhiêu sẽ khấu trừ vào phần gốc quá hạn tại thời điểm trả.

Tính đến ngày xét xử 18/11/2019, vợ chồng anh H, chị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 38.343.671 đồng, trong đó tiền gốc là 28.931.000 đồng và 9.412.671 đồng tiền lãi. Agribank yêu cầu vợ chồng anh H chị H trả số tiền trên, và các khoản nợ lãi phát sinh theo giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 17/11/2016 đã ký với Agribank, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi anh H, chị H trả tất nợ.

Tài sản kê khai là QSDĐ, anh H, chị H có giao Ngân hàng giữ giấy chứng nhận QSDĐ. Ngân hàng đồng ý trả lại khi anh chị trả tất nợ Ngân hàng đối với

giấy vay nợ trên.

Chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Bản tự khai, Bảng tính lãi; Sổ lưu tờ rơi; Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn; Sổ vay vốn; Quyền sử dụng đất phô tô; Giấy ủy quyền tham gia tố tụng. Thông báo số 100/NHNo- KHNV ngày 23/3/2017 của Agribank chi nhánh Tây Ninh.

Bản kê tính tiền gốc, lãi, còn nợ; đến ngày 18/11/2019; Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Biên lai thu ngày 24/10/2019 (phô tô)

** Bị đơn chị Đinh Thị H đã khai trong bản tự khai ngày 05/6/2019 và trong biên bản hòa giải ngày 16/9/2019*. Chị thống nhất lời trình bày và ý kiến của đại diện Ngân hàng; thừa nhận vợ chồng chị có vay số tiền 50.000.000 đồng của Agribank, chi nhánh huyện C, khu vực A như Ngân hàng trình bày là đúng. Tính đến ngày 16/9/2019 chị đã trả cho Ngân hàng 17.069.000 đồng tiền gốc, và 6.360.500 đồng tiền lãi; thống nhất là nợ chung vợ chồng và đồng ý theo yêu cầu Ngân hàng, trả gốc và lãi số tiền theo biên bản hòa giải ngày 16/9/2019 cho đến khi trả tất nợ. Chị không giao nộp chứng cứ tài liệu gì cho Tòa án.

* *Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại địa phương, không đến Tòa án, nên không có lời trình bày.*

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày:

Về Tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho Agribank Việt Nam số tiền 38.343.671 đồng nợ gốc và lãi tính đến ngày xet xử, cùng với lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi trả dứt nợ. Buộc Ngân hàng trả lại QSDĐ cho bị đơn.

Về án phí bị đơn chịu theo quy định Điều 26 Nghị quyết 326. 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Đại diện Ngân hàng và Chị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; Anh H đã bỏ địa phương đi, không cung cấp địa chỉ nơi ở mới cho chị H và Ngân hàng nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết công khai văn bản tố tụng hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng anh H vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 227, Khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đại diện Ngân hàng và anh H, chị H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Căn cứ vào sổ lưu tờ rơi, giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn, sổ vay vốn mà đại diện nguyên đơn đã cung cấp có chữ ký của vợ chồng anh H, chị H và lời khai của chị H thể hiện rõ nội dung ngày 17/11/2016 vợ chồng anh H, chị H có vay tiền của Agribank, chi nhánh huyện C, khu vực A với số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 10.8%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả vào ngày 17/11 hàng năm, mỗi năm trả 10.000.000 đồng bắt đầu từ năm 2017 đến năm 2021

Tài sản kê khai là quyền sử dụng đất số 01181 do UBND huyện C cấp ngày 01/12/1993 do anh H đứng tên, có diện tích 3.522m^2, tọa lạc ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Xét thấy: Sổ lưu tờ rơi, giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn, sổ vay vốn nêu trên đúng quy định của pháp luật về hoạt động của Ngân hàng, đúng trình tự, thủ tục, cơ chế tín dụng hiện hành, đảm bảo quyền và nghĩa vụ giữa các bên, hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi đúng thời hạn thỏa thuận. Ngân hàng đã khởi kiện anh H, chị H, buộc thực hiện đúng các cam kết đã ký, trả số tiền vay gốc và lãi suất còn nợ là phù hợp với Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.1] Về số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng. Tính đến ngày hòa giải bị đơn đã trả 17.069.000 đồng nợ gốc (số tiền này chị H đã thừa nhận). Sau khi hòa giải, đến ngày 24/10/2019 chị H đã trả thêm 4.000.000 đồng tiền gốc, tổng cộng gốc đã trả là 21.069.000 đồng, nên khấu trừ số tiền gốc còn lại đến nay là 28.931.000 đồng.

[2.2] Về tiền Lãi:

Lãi suất theo hợp đồng ban đầu là 10,8%/ năm, mức lãi suất này được áp dụng kể từ ngày vay đến ngày 23/3/2017; Từ ngày 24/3/2017 trở về sau, do mức lãi suất cho vay của Ngân hàng tăng nên Ngân hàng điều chỉnh và tính lãi với mức lãi suất vay trong hạn là 11.4%/ năm và lãi quá hạn là 17.1%/ năm, là phù hợp với thỏa thuận ban đầu đã ký, phù hợp với thông báo số 100/NHNo- KHNV ngày 23/3/2017 của Ngân hàng Agribank chi nhánh Tây Ninh.

Tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là: 15.773.171 đồng, anh H, chị H đã trả 6.360.500đồng, khấu trừ còn lại tiền lãi phải trả là 9.412.671 đồng, là phù hợp theo lãi suất trong hạn và quá hạn tương ứng với số tiền vay gốc còn nợ.

[2.3] Tổng cộng tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày xét xử vợ chồng anh H, chị H còn nợ Agribank số tiền 38.343671 đồng (trong đó tiền gốc là 28.931.000đồng và 9.412.671 đồng tiền lãi).

Chị H là vợ anh H đã công nhận khoản nợ chung của anh chị, chấp nhận trả tiền gốc và lãi còn nợ theo yêu cầu của Ngân hàng, thống nhất trả các khoản lãi tiếp theo như đã thỏa thuận đến khi trả dứt nợ.

Qúa trình tham gia tố tụng anh H vắng mặt tại địa phương và không đến Tòa án, không cung cấp các chứng cứ nào khác chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó cần buộc anh H, chị H cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Agribank số tiền 38.343.671 đồng (trong đó gốc là 28.931.000đồng và 9.412.671 đồng, lãi) tính đến ngày 18/11/2019 và tiền lãi tiếp theo từ ngày 19/11/2019đến khi trả dứt nợ theo thỏa thuận trong giấy nhận nợ ngày17/11/2016, là phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1,2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về tài sản đã kê khai:

Giấy chứng nhận QSDĐ anh H, chị H đã giao tại Ngân hàng Agribank do chưa được thế chấp và đăng ký bảo đảm; nên buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn là phù hợp .

[3] Về Án phí: Anh H, chị H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí, thành tiền là 1.917.000đồng (làm tròn).

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí DSST được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 91, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc Anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại phòng giao dịch A, chi nhánh huyện C số tiền 38.343671 đồng (trong đó gốc là 28.931.000 đồng và 9.412.671 đồng, lãi).

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại phòng giao dịch A, chi nhánh huyện C, có nghĩa vụ trả cho anh H, chị H một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01181QSDĐ/E1 cấp ngày 01/12/1993 do anh H đứng tên.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Hvà chị Đinh Thị H phải chịu 1.917.000đồng (Một triệu chín trăm mười bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu tiền án phí DSST; Chi cục Thi hành án dân sự huyện C chi trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 1.304.000 đồng (Một triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 00019889 ngày 31/5/2019.

4. Kể từ ngày 19/11/2019 cho đến khi bên phải thi hành án trả hết tiền nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh từ nợ gốc còn phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 17/11/2016 đã ký với Agribank.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyệnChâu Thành;
- THADS huyện C;
- Lưu tập án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Toạ Phiên Tòa

Lê Thị Thu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Lộc **Nguyễn Thị Kim Linh** **Lê Thị Thu**